

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11-3-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Văn Thị Mỹ L, sinh năm: 2000 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số 45M6, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Số 9A9 khu L, ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Đàm Hiếu N, sinh năm: 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Số 53 đường N, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Văn Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị Mỹ L và anh Đàm Hiếu N kết hôn vào năm 2018, đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 14-3-2018. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không bên nào ép buộc bên nào, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 3-2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, rạn nứt về tình cảm. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn cũng như được gia đình hai bên hòa giải, nhưng không giải quyết được. Từ tháng 5-2021, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian này có gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Xác định mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đàm Văn Thùy A, sinh ngày 06-8-2018, chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Đàm Hiếu N trình bày:

Anh N xác nhận lời trình bày của chị L về việc kết hôn, chung sống, con chung và mâu thuẫn là đúng.

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng do còn trẻ và chưa nhận thức hay suy nghĩ thấu đáo về cuộc sống hôn nhân nên hay xảy ra mâu thuẫn dẫn đến rạn nứt tình cảm. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn cũng như được gia đình hai bên hòa giải, nhưng không giải quyết được nên đã sống ly thân từ tháng 4-2021. Xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

- Về con chung và cấp dưỡng: Anh N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đàm Văn Thùy A đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung

cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 205, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các điều 225, 237 và 239 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh N. Về con chung, cháu Đàm Văn Thùy A đang được anh N chăm sóc và theo học tại Trường Mầm non H nơi bà Lê Thị Yến P (mẹ của anh N) công tác, để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu nên giao cháu cho anh N nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị L xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh N được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Long Điền cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình tố tụng anh N và chị L thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau một người con chung, nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách khác nhau. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã tìm cách hàn gắn, nhưng không giải quyết được nên chị L yêu cầu ly hôn và anh N cũng đồng ý. Xét thấy, hai bên thừa nhận

tình trạng mâu thuẫn là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có một con chung là cháu Đàm Văn Thùy A, sinh ngày 06-8-2018, trong quá trình tố tụng anh N và chị L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu người kia cấp dưỡng. Xét yêu cầu của các bên thì thấy, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ quyền lợi của con chưa thành niên, căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh, khả năng của các bên để đảm bảo cho con có điều kiện tốt nhất để phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách cũng như quy định của pháp luật. Theo đó, Anh N, chị L đều đủ điều kiện nuôi con, có thu nhập ổn định để lo cho con ăn học và được sự hỗ trợ của gia đình. Tuy nhiên, cháu đang còn nhỏ lại là con gái nên cần được sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ, đặc biệt là lúc ốm đau và tại phiên tòa các bên thừa nhận cháu đang được đi lại giữa hai gia đình. Xét về điều kiện mọi mặt để cho cháu có cuộc sống ổn định nên giao cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Nếu như chị L không chăm lo cho con đầy đủ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con thì anh N có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Việc chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng là tự nguyện nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị Mỹ L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Đàm Hiếu N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Đàm Hiếu N.

- Về con chung và cấp dưỡng: Buộc anh Đàm Hiếu N giao cháu Đàm Văn Thùy A, sinh ngày 06-8-2018 cho chị Văn Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh Đàm Hiếu N không phải cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Chị Văn Thị Mỹ L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008645 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Hoàng Đức

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND thị trấn Long Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án...